

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156 /2022/DS-PT

Ngày: 15 - 11 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Hồ Văn Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cươl – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, Địa chỉ: số X, đường B, khóm N, phường T, thành phố H, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Văn Q – Văn phòng Luật sư Hoàng Văn Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị N; Địa chỉ: số Y, đường K, khóm N, phường T, thành phố H, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T; Địa chỉ: số O, đường C, khóm N, phường F, thành phố H, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2021. (Có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Đỗ Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021 cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn Bà Trương Thị L trình bày:

Bà Đỗ Thị N có tham gia chơi hụi, do Bà Trương Thị L làm chủ hụi gồm các dây hụi sau:

1/. Dây hụi ngày 01/3/2019 (âm lịch) nhằm ngày 05/04/2019 dương lịch: Loại hụi: 1.000.000 đồng; gồm 25 phần, ngày mãn hụi là ngày 01/3/2020. Mỗi tháng: khui 02 lần. Bà Đỗ Thị N tham gia 05 phần;

- Phần số 1: Bà N hốt ngày 15/4/2019 âm lịch (nhằm ngày 19/05/2019 dương lịch), hốt hụi lần thứ 4, ra tiền lời là 220.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 21.860.000 đồng; Số tiền bà Nhận là 21.360.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 14 kỳ hụi chết với số tiền 14.000.000 đồng; còn 07 lần không đóng với số tiền là 7.000.000 đồng.

- Phần số 2: Bà N hốt ngày 15/5/2019 âm lịch (nhằm ngày 17/6/2019 dương lịch) hốt hụi lần thứ 6, ra tiền lời là 230.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 19.900.000 đồng; Số tiền bà Nhận là 19.400.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 12 kỳ hụi chết với số tiền 12.000.000 đồng; còn 07 lần không đóng với số tiền là 7.000.000 đồng.

- Phần số 3: Hốt ngày 01/06/2019 âm lịch (nhằm ngày 03/07/2019 dương lịch), hốt hụi lần thứ 7, ra tiền lời là 235.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 19.770.000 đồng; số tiền bà N nhận là: 19.270.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 11 kỳ hụi chết với số tiền 11.000.000 đồng; còn 07 lần không đóng với số tiền là 7.000.000 đồng.

- Phần số 4: Hốt ngày 15/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 15/08/2019 dương lịch), hốt hụi lần thứ 10, ra tiền lời là 220.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 20.700.000 đồng; số tiền bà N nhận là: 20.200.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 08 kỳ hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng; Còn 07 lần chưa đóng với số tiền 7.000.000 đồng.

- Phần số 5: Hốt ngày 15/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 11/11/2019 dương lịch), hốt hụi lần thứ 16, ra tiền lời là 200.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 22.200.000 đồng; số tiền bà Nhận là: 21.700.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 02 kỳ hụi chết với số tiền 2.000.000 đồng; Còn 07 lần chưa đóng với số tiền 7.000.000 đồng.

Tổng cộng: 5 phần x 7.000.000 đồng = 35.000.000 đồng, bà N chưa đóng.

2/. Dây hụi ngày 20/11/2018 (âm lịch) nhằm ngày 26/12/2018 (dương lịch), loại hụi: 2.000.000 đồng; gồm 20 phần. Mỗi tháng khui 01 lần; ngày mãn hụi là ngày 20/6/2020. Bà Đỗ Thị N tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 11 (vào ngày 20/9/2019 âm lịch), ra tiền lời là 475.000 đồng; tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 32.775.000 đồng; số tiền bà Nhận là: 31.775.000 đồng; sau khi

hốt hụi thì bà N đóng được 02 kỳ hụi chết với số tiền 4.000.000 đồng; bà Đỗ Thị N còn thiếu 07 kỳ chưa đóng số tiền là 14.000.000 đồng.

3/. Dây hụi ngày 10/08/2018 âm lịch (nhằm ngày 19/9/2018 dương lịch); Loại hụi 1.000.000 đồng; Mỗi tháng khai 1 lần; dây hụi gồm 25 phần; ngày mãn hụi là ngày 10/8/2020 âm lịch, bà N tham gia 03 phần.

- *Phần số 1:* Bà N hốt ngày 10/8/2018 âm lịch nhằm ngày 19/9/2018 dương lịch), hốt hụi lần thứ 1, ra tiền lời là 225.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 18.600.000 đồng; Số tiền bà N nhận là 18.100.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 15 kỳ hụi chết với số tiền 15.000.000 đồng; còn 9 lần không đóng với số tiền là 9.000.000 đồng.

- *Phần số 2:* Bà N hốt ngày 10/10/2018 âm lịch nhằm ngày 16/11/2018 dương lịch, hốt hụi lần thứ 3, ra tiền lời là 315.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 17.070.000 đồng; Số tiền bà N nhận là 16.570.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 13 kỳ hụi chết với số tiền 13.000.000 đồng; còn 9 lần không đóng với số tiền là 9.000.000 đồng.

- *Phần số 3:* Hốt ngày 10/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 15/3/2019 dương lịch), hốt hụi lần thứ 7, ra tiền lời là 275.000 đồng; tiền đầu thảo là 500.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 19.050.000 đồng; số tiền bà N nhận là: 18.550.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 9 kỳ hụi chết với số tiền 9.000.000 đồng; còn 9 lần không đóng với số tiền là 9.000.000 đồng.

Tổng cộng bà N còn nợ lại số tiền là 27.000.000 đồng.

4/. Dây hụi ngày 08/5/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/6/2019 dương lịch). Loại hụi 200.000 đồng, Một tháng khai 4 lần; Gồm 45 phần. ngày mãn hụi là ngày 21/3/2020 (âm lịch); Bà Đỗ Thị N tham gia 4 phần; mỗi tuần đóng 800.000 đồng;

- *Phần số 1:* Bà N hốt ngày 19/7/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 11, ra tiền lời là 37.000 đồng; tiền đầu thảo là 100.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 7.542.000 đồng; Số tiền bà N nhận là 7.442.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 18 kỳ hụi chết với số tiền 3.600.000 đồng; còn 16 lần không đóng với số tiền là 3.200.000 đồng.

- *Phần số 2:* Bà N hốt ngày 04/8/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 13, ra tiền lời là 38.000 đồng; tiền đầu thảo là 100.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 7.584.000 đồng; Số tiền bà N nhận là 7.484.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 16 kỳ hụi chết với số tiền 3.200.000 đồng; còn 16 lần không đóng với số tiền là 3.200.000 đồng.

- *Phần số 3:* Bà N hốt ngày 02/9/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 17, ra tiền lời là 38.000 đồng; tiền đầu thảo là 100.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 7.736.000

đồng; Số tiền bà Nhận là 7.636.000 đồng; Sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 12 kỳ hụi chết với số tiền 2.400.000 đồng; còn 16 lần không đóng với số tiền là 3.200.000 đồng.

- *Phần số 4:* Bà N hốt ngày 01/10/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 21, ra tiền lời là 31.000 đồng; tiền đầu thảo là 100.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 8.056.000 đồng; Số tiền bà N nhận là 7.956.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 08 kỳ hụi chết với số tiền 1.600.000 đồng; còn 16 lần không đóng với số tiền là 3.200.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này bà N còn nợ số tiền là 12.800.000 đồng.

5/. Dây hụi ngày 04/07/2019 âm lịch nhằm ngày 04/08/2019 dương lịch; Loại hụi: 2.000.000đ; Gồm 22 phần; Mỗi tháng khai 1 lần. Bà Đỗ Thị N tham gia 2 phần, mỗi tháng đóng 4.000.000 đồng; ngày mãn hụi là ngày 04/4/2021.

- *Phần số 1:* Bà N hốt ngày 04/8/20219 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 02, ra tiền lời là 500.000 đồng; tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 32.000.000 đồng; số tiền bà Nhận là: 31.000.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 03 kỳ hụi chết với số tiền 6.000.000 đồng; bà Đỗ Thị N còn thiếu 17 kỳ chưa đóng số tiền là 34.000.000 đồng.

- *Phần số 2:* Bà N hốt ngày 04/11/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 05, ra tiền lời là 550.000 đồng; tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 32.650.000 đồng; số tiền bà Nhận là: 31.650.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N không đóng hụi được lần nào; bà Đỗ Thị N còn thiếu 17 kỳ chưa đóng số tiền là 34.000.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này bà N còn nợ số tiền là 68.000.000 đồng.

6/. Dây hụi ngày 25/10/2019 nhằm ngày 21/11/2019 dương lịch; Loại hụi 2.000.000đ; Gồm 22 phần; Mỗi tháng khai 1 lần. Bà Đỗ Thị N tham gia 2 phần; ngày mãn hụi là ngày 25/6/2021.

- *Phần số 1:* Bà Nhốt ngày 25/10/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 01, ra tiền lời là 600.000 đồng; tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 29.400.000 đồng; số tiền bà Nhận là: 28.400.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 01 kỳ hụi chết với số tiền 2.000.000 đồng; bà Đỗ Thị N còn thiếu 20 kỳ chưa đóng số tiền là 40.000.000 đồng.

- *Phần số 2:* Bà Nhốt ngày 25/11/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 02, ra tiền lời là 600.000 đồng; tiền đầu thảo là 1.000.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 30.000.000 đồng; số tiền bà N nhận là: 29.000.000 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N không đóng hụi được lần nào; bà Đỗ Thị N còn thiếu 20 kỳ chưa đóng số tiền là 40.000.000 đồng.

Tổng cộng dây hụi này bà N còn nợ số tiền là 80.000.000 đồng.

7/. Dây hụi ngày 04/12/2019 âm lịch; Loại hụi: 500.000 đồng. Hụi 10 ngày khui một lần; Gồm 35 phần, bà N tham gia 01 phần; ngày mần hụi là ngày 25/10/2020.

Bà Nhôt ngày 24/12/2019 (âm lịch), hốt hụi lần thứ 03, ra tiền lời là 140.000 đồng; tiền đầu thảo là 250.000 đồng; Số tiền hốt hụi là 12.520.000 đồng; số tiền bà N nhận là: 12.270.00 đồng; sau khi hốt hụi thì bà N đóng được 02 kỳ hụi chết với số tiền 1.000.000 đồng; bà Đỗ Thị N còn thiếu 30 kỳ chưa đóng với số tiền là 15.000.000 đồng.

Toàn bộ những lần bà L giao tiền hụi cho bà N nhận đều không có làm biên nhận. Việc bà L mở dây hụi, bà L đều tự mở sổ hụi để theo dõi nhưng không có các hụi viên ký tên xác nhận tham gia chơi hụi, bà L sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Như vậy tổng số tiền bà Đỗ Thị N còn nợ Bà Trương Thị L 07 dây hụi là: 251.800.000 đồng, cụ thể: Dây 1: 35.000.000 đồng; dây 2: 14.000.000 đồng; dây 3: 27.000.000 đồng; dây 4: 12.800.000 đồng; dây 5: 68.000.000 đồng; dây 6: 80.000.000 đồng; dây 7: 15.000.000 đồng.

Tại buổi Hoà giải ngày 17/5/2020 của Ban nhân dân khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng, hai bên đối chiếu và đã thống nhất bà Đỗ Thị N còn nợ Bà Trương Thị L số tiền hụi là: 251.800.000 đồng. Cũng trong ngày 17/5/2020, bà N đã trả cho bà L số tiền 55.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 196.800.000 đồng.

Tại buổi hòa giải này, bà N đồng ý trả cho bà L mỗi tháng số tiền là 500.000 đồng, sau hoà giải bà N trả được hai kỳ (02 tháng) vào ngày 17/6/2020 và 17/7/2020 với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, bà N đưa tiền cho Trưởng ban nhân dân khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng, và ông Phùng Văn Liêm đã đưa lại cho bà L số tiền 1.000.000 đồng, sau đó bà N không trả nữa. Hiện bà Đỗ Thị N còn nợ lại bà L số tiền 195.800.000đồng, đến nay vẫn chưa trả.

Tất cả các dây hụi trên đến nay đã mần hụi và bà L đã ra tiền để trả cho các hụi viên khác.

Nay Bà Trương Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Đỗ Thị N hoàn trả cho Bà Trương Thị L số tiền còn nợ là 195.800.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Theo đơn phản tố ngày 05/7/2021 của bị đơn bà Đỗ Thị N, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà N chỉ có tham gia các dây hụi do Bà Trương Thị L làm chủ hụi, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi ngày 01/03/2019 (âm lịch) nhằm ngày 05/04/2019 (dương lịch), số chân là 25, hụi 1.000.000 đồng. Mỗi tháng khui 02 lần, bà N chỉ tham gia một

chân, bà N đã hốt vào lần thứ 15, số tiền bà N hốt được là 21.500.000 đồng. Bà N đóng được 22 lần với số tiền 17.305.000 đồng. Bà N chỉ còn thiếu lại 03 lần hui chết với số tiền là 3.000.000 đồng.

2/ Dây hui ngày 10/08/2018 (âm lịch) nhằm ngày 19/09/2018 (dương lịch) hui 1.000.000 đồng, gồm 25 chân, mỗi tháng khi hui 01 lần; Ở dây hui này bà N chỉ tham gia chơi 01 chân, bà N đã đóng được 17 lần với số tiền là 13.260.000 đồng; đến lần thứ 18 bà N xuống khai hui nhưng bà L không cho. Tính đến nay, dây hui này đã mãn hui nhưng cho tới nay bà N vẫn chưa hốt được hui.

3/ Dây hui ngày 08/05/2019 (âm lịch) nhằm ngày 20/06/2019 (dương lịch) hui 200.000 đồng, tháng khai bốn lần, gồm 45 chân, phần hui này bà N chỉ có chơi hai chân. Bà N đã hốt một chân với số tiền khoảng gần 8.000.000 đồng; bà N đã đóng cả hui sống và hui chết là 37 lần, còn nợ lại 08 lần với số tiền 1.600.000 đồng. Còn một chân chưa hốt bà N đã đóng được 37 lần với số tiền là 6.290.000 đồng, phần còn lại chưa đóng. Tính đến nay, dây hui này đã mãn hui nhưng bà N vẫn chưa hốt được hui.

4/ Dây hui ngày 04/07/2019 (âm lịch) nhằm ngày 04/08/2019 (dương lịch) hui 2.000.000 đồng; gồm 22 phần, tháng khai một lần, bà N tham gia 02 phần, 02 phần hui này đều còn sống bà N chưa hốt hui.

Bà N đã đóng mỗi chân hui được 07 kỳ. Tổng hai chân hui bà N đã đóng được số tiền là 19.600.000 đồng, đến kỳ thứ 8 bà N yêu cầu hốt hui thì bà L không cho bà N hốt nên bà N ngưng đóng hui cho đến nay. Tính đến nay dây hui này đã mãn hui hay chưa thì bà N không biết và bà N cũng chưa hốt hui.

5/ Dây hui ngày 25/10/2019 (âm lịch) nhằm ngày 21/11/2019 (dương lịch) hui 2.000.000 đồng; gồm 22 phần, bà N chỉ tham gia một phần, phần hui này bà N đã đóng được hai lần x 1.400.000 đồng = 2.800.000 đồng, đến kỳ thứ 3 thì bà L tự cắt không cho bà N chơi nữa nên bà N phải dừng lại không chơi tiếp và cũng không đóng hui tiếp từ lần thứ 3 cho đến nay. Tính đến nay dây hui này đã mãn hui hay chưa thì bà N không biết và bà N cũng chưa hốt hui.

6/ Dây hui ngày 04/12/2019 (âm lịch) hui 500.000 đồng; gồm 35 phần; 10 ngày khai một lần. Bà N tham gia một chân, hiện còn sống chưa hốt, bà N đã đóng được 05 lần với số tiền là 1.775.000 đồng. Sau đó bà L nói bà N phải trả thế cho bà M (bà M họ tên đầy đủ là gì, địa chỉ ở đâu thì bà N không biết) vì bà M đã bỏ đi khỏi địa phương nên bà L trừ các phần tiền hui mà bà N đóng cho bà L vào phần tiền của bà M thiếu bà L, nên bà N không chơi tiếp và cũng không đóng hui tiếp từ lần thứ 6 cho đến nay. Tính đến nay dây hui này đã mãn hui hay chưa thì bà N không biết và bà N cũng chưa hốt hui.

Đối với các dây hui này do bà L làm chủ hui. Bà N không có ký nhận tham gia chơi hui với bà L. Đối với những lần hui mà bà N đã đóng cũng như 01 lần bà

N hốt hụi, bà N không có ký tên xác nhận.

Theo biên bản hòa giải ngày 17/05/2020 tại Ban nhân dân khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng bà N hoàn toàn không thống nhất với nội dung mà bà L yêu cầu hòa giải. Theo bà N, tại buổi hòa giải này, bà L yêu cầu bà N phải đứng ra trả nợ thay cho các hụi viên khác đã bỏ trốn thì mới cho bà N chơi tiếp, bà N không đồng ý nên hai bên xảy ra cự cãi nên Tổ hòa giải đã động viên bà N ký tên vào biên bản để đi về chứ không có thông qua nội dung biên bản cho bà N nghe. Khi đó, bà N ký tên vào biên bản để đi về chứ không có đọc lại nội dung biên bản. Ngoài ra bà N không có đưa số tiền 1.000.000 đồng cho ông Liêm là Trưởng ban nhân dân khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng để trả tiền cho bà L như bà L trình bày.

Mặt khác trong nội dung bà L trình bày trong biên bản hòa giải với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết là khác nhau, đồng thời biên bản hòa giải ngày 17/05/2020 phục vụ trong vụ án số 193 ngày 21/10/2020 của TAND TP Sóc Trăng đã được đình chỉ giải quyết theo quyết định số 27/2021/QĐST-DS ngày 31/03/2021. Ngoài ra Bà Trương Thị L cũng không có bất cứ chứng cứ nào để chứng minh là bà N có tham gia chơi hụi với bà như bà trình bày.

Tổng cộng số tiền bà N đã đóng cho bà L ở 05 dây hụi trên là 43.725.000 đồng.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Khấu trừ số tiền hụi chết mà bà N chưa đóng cho bà L là 4.600.000 đồng vào số tiền hụi mà bà N đã đóng cho bà L ở 05 dây hụi trên là 43.725.000 đồng. Buộc Bà Trương Thị L trả cho bà Đỗ Thị N số tiền hụi đã đóng còn lại là 39.125.000 đồng.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị L:

Buộc bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trương Thị L số tiền hụi còn thiếu là 195.800.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị N về việc yêu cầu Bà Trương Thị L thanh toán cho bà N số tiền hụi là 39.125.000 đồng.

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 22 tháng 7 năm 2022 bị đơn Đỗ Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét giải quyết hủy bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm và cho rằng bị đơn kháng cáo nhưng ngoài lời trình bày ra thì bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cũng như ở giai đoạn sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp pháp còn bị đơn không có chứng cứ gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nguyên đơn Bà Trương Thị L trình bày từ ngày 10/8/2018 (AL) đến ngày 04/12/2019 (AL) bà Đỗ Thị N có tham gia chơi 07 dây hụi với 18 phần hụi do Bà Trương Thị L làm chủ hụi, bà N là hụi viên. Tất cả 18 phần hụi bà N tham gia đến nay bà N đã hốt hụi nhưng sau khi hốt hụi bà N không đóng hụi chết cho bà L theo thỏa thuận, cụ thể tính đến ngày 17/5/2020 bà N còn nợ bà L 07 dây hụi là 251.800.000 đồng, nên bà L yêu cầu Ban nhân dân khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng giải quyết. Tại đây, hai bên đối chiếu và đã thống nhất bà Đỗ Thị N còn nợ Bà Trương Thị L số tiền hụi là 251.800.000 đồng. Cũng trong ngày 17/5/2020, bà N đã trả cho bà L số tiền 55.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là

196.800.000 đồng, bà N đồng ý trả cho bà L mỗi tháng số tiền là 500.000 đồng, sau hoà giải bà N trả được hai kỳ (02 tháng) với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, còn nợ lại bà L số tiền 195.800.000 đồng. Ngược lại phía bà N phản tố cho rằng bà chỉ tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi 06 dây hụi với 08 phần hụi. Tính đến nay bà N mới chỉ hốt được hai phần hụi đối với dây hụi ngày 01/3/2019 (AL) với số tiền 21.500.000 đồng và dây hụi ngày 08/5/2019 (AL) với số tiền 8.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà N đã đóng hụi chết cho bà L đầy đủ, chỉ còn nợ tổng cộng số tiền 4.600.000 đồng. Còn đối với 05 dây hụi còn lại với 06 phần hụi bà N đã đóng cho bà L được tổng số tiền 43.725.000 đồng nhưng đến nay bà N chưa hốt hụi.

[3] Việc các bên tham gia chơi hụi là hoàn toàn tự nguyện, mặc dù khi mở các dây hụi bà L không lập sổ hụi và không có văn bản thoả thuận giữa những người tham gia chơi hụi, tuy nhiên tại biên bản hoà giải ngày 17/5/2020 của Ban nhân dân khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng thì bà N thừa nhận có tham gia các dây hụi do bà L làm chủ hụi và còn thiếu bà L số tiền 196.800.000 đồng và cam kết mỗi tháng sẽ trả cho bà L số tiền 500.000 đồng. Sau đó bà N có thực hiện việc trả tiền cho bà L được hai tháng với số tiền 1.000.000 đồng.

[4] Tại biên bản đối chất ngày 27/11/2020 của Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng trong một vụ án khác mà Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án (bút lục số 181) thì bà N cũng thừa nhận là bà có nợ bà L số tiền 196.800.000 đồng và sau đó bà đã trả cho bà L được số tiền 1.000.000 đồng. Tại các biên bản này phía bà N cũng không trình bày việc bà L còn thiếu bà số tiền hụi là 43.725.000 đồng. Do đó việc bà N trình bày bà L còn thiếu bà số tiền 43.725.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị N về việc cho rằng bà N chỉ tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi 06 dây hụi với 08 phần hụi. Tính đến nay bà N mới chỉ hốt được hai phần hụi đối với dây hụi khai ngày 01/3/2019 (AL) với số tiền 21.500.000 đồng và dây hụi ngày 08/5/2019 (AL) với số tiền 8.000.000 đồng, sau khi hốt hụi bà N đã đóng hụi chết cho bà L đầy đủ, chỉ còn nợ tổng cộng số tiền 4.600.000 đồng. Còn đối với 05 dây hụi còn lại với 06 phần hụi bà N đã đóng cho bà L được tổng số tiền 43.725.000 đồng nhưng đến nay bà N chưa hốt hụi. Xét thấy, như đã phân tích ở trên lời trình bày của bà N là không có cơ sở, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà N cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là bà L còn nợ tiền hụi của bà, mặt khác phía bà L cũng không thừa nhận lời trình bày của bà N, do đó việc bà N yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 39.125.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N là không có căn cứ, ngoài lời trình bày ra bị đơn không cung cấp chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 29/6/2021 nhưng đến

ngày 15/7/2021 mới thông báo yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm với khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Cấp phúc thẩm nêu lên đề cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[10] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trương Thị L:

1. Buộc bà Đỗ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trương Thị L số tiền hui còn thiếu là 195.800.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị N về việc yêu cầu Bà Trương Thị L thanh toán cho bà Số tiền hui là 39.125.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn Trương Thị L không phải chịu, hoàn trả cho Bà Trương Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.895.000 đồng theo biên lai thu số 0007938 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3.2. Bà Đỗ Thị N phải chịu số tiền 11.746.250 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 1.093.125 đồng theo biên lai thu số 0008024 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà N còn phải chịu số tiền 10.653.125 đồng.

[4]. Án phí phúc thẩm bị đơn Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền bị đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 00000654 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành